

Bản án số: 75/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 09/8/2024

V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Luân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Mỹ

2. Ông Mai Văn Bé Em

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Mai Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 233/2024/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Ngọc H**, sinh năm 2003 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: thôn 2, xã B, huyện L, tỉnh Hà Nam.

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Thế H1**, sinh năm 2000 (có mặt).

Địa chỉ: P21-18, đường 3, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/4/2024 và lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Trần Thị Ngọc H trình bày: Chị và anh Trần Thế H1 tự quen biết, yêu thương nhau, có tổ chức cưới hỏi, sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Hà Nam và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/12/2021.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2023 thì hai người thường xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cách sống nên thường xuyên cãi vã với nhau. Hai người đã nhiều lần cố gắng hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được mà mâu thuẫn ngày

càng trở nên trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Cảm thấy không thể sống chung với nhau được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H1.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Trần Thế D, sinh ngày 10/3/2022, chị H tự nguyện giao con chung cho anh H1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn – anh Trần Thế H trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, thời điểm ly thân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

Về con chung: Đồng ý tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn – chị Trần Thị Ngọc H yêu cầu ly hôn, nuôi con chung đối với bị đơn – anh Trần Thế H1 nên quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Các đương sự tranh chấp về quan hệ hôn nhân, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Trần Thị Ngọc H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt và đã vắng mặt tại phiên tòa hôm nay, bị đơn – anh Trần Thế H1 yêu cầu xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn – chị Trần Thị Ngọc H.

Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu ly hôn: Chị H, anh H1 tự quen nhau, sau đó quyết định tiến tới hôn nhân, hai người đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Hà Nam và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/12/2021; như vậy, việc kết hôn của chị H và anh H1 đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp

pháp. Qua lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh H1 cho rằng trong quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cách sống nên thường xuyên cãi vã với nhau, hai người đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Căn cứ theo quy định tại Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng, nguyên đơn – chị H đã chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, bị đơn – anh H1 thừa nhận nội dung sự việc đúng như chị H đã trình bày trong đơn khởi kiện và thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị H. Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[2] Về con chung: Chị H tự nguyện giao người con chung tên Trần Thế D, sinh ngày 10/3/2022 cho anh H1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên; quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh H1 đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét yêu cầu này là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh H1 không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ly hôn, nuôi con chung của nguyên đơn – chị Trần Thị Ngọc H.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn – chị Trần Thị Ngọc H phải chịu nghĩa vụ nộp số tiền án phí 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng mà chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004679, ngày 24/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá nên chị H không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – chị Trần Thị Ngọc H, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc H được ly hôn với anh Trần Thế H1.

- Về con chung: Giao người con chung tên Trần Thế D, sinh ngày 10/3/2022 cho anh H1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên, anh H1 không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh H1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn – chị Trần Thị Ngọc H phải chịu nghĩa vụ nộp số tiền án phí 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng mà chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004679, ngày 24/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá nên chị H không phải nộp thêm.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- UBND xã Bồ Đề, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Đức Luân

